

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2026

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN
TẢI BIỂN
VINASHIP

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN TẢI
BIỂN VINASHIP
Date: 2026.10.23
09:46:31 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

(theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2026

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KÝ BÁO CÁO	TRANG
1	B01a-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ III NĂM 2026	1-2
2	B02a-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ III NĂM 2026	3-3
3	B03a-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ III NĂM 2026	4-4
4	B09a-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ III NĂM 2026	5-26

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương



Tổng giám đốc

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

Mẫu số : B01a-DN

(Theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/09/2026	NGÀY 01/01/2026
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		370.205.737.694	316.850.862.216
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	189.340.573.631	177.921.020.735
1 - Tiền	111		179.340.573.631	167.921.020.735
2 - Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
II - Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	67.001.772.604	43.192.915.067
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		67.001.772.604	43.192.915.067
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.090.422.131	47.151.780.387
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	63.887.302.520	40.290.603.572
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.302.915.580	1.953.592.568
5 - Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	20.396.895.884	14.404.276.100
6 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.3, V.4	(9.496.691.853)	(9.496.691.853)
7 - Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV - Hàng tồn kho	140		31.660.221.087	38.925.963.953
1 - Hàng tồn kho	141	V.7	31.660.221.087	38.925.963.953
V - Tài sản ngắn hạn khác	160		5.112.748.241	9.659.182.074
1 - Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.14	2.506.738.982	2.473.708.106
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	162		2.108.707.178	6.023.194.024
3 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	V.19	497.302.081	1.162.279.944
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		787.119.533.736	641.992.763.129
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		424.472.940	158.098.960
5 - Phải thu dài hạn khác	215	V.4	424.472.940	158.098.960
II - Tài sản cố định	220		777.755.878.314	623.692.765.640
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	777.755.878.314	623.692.765.640
- Nguyên giá	222		969.070.695.076	1.183.748.272.978
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(191.314.816.762)	(560.055.507.338)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(664.654.500)	(664.654.500)
IV - Bất động sản đầu tư	240	V.13	1.818.284.908	1.848.292.165
- Nguyên giá	241		26.303.481.478	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(24.485.196.570)	(21.851.712.486)
V - Tài sản dở dang dài hạn	250	V.8	-	399.784.500
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	399.784.500
VI - Đầu tư tài chính dài hạn	260		317.668	326.268
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2	1.437.338	1.437.338
4 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264	V.2	(1.119.670)	(1.111.070)
VII - Tài sản dài hạn khác	270		7.120.579.906	15.893.495.596
1 - Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.14	7.120.579.906	15.893.495.596
2 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.26	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.157.325.271.430	958.843.625.345

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

Mẫu số : B01a-DN

(Theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/09/2026	NGÀY 01/01/2026
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		498.323.182.987	368.907.775.682
I - Nợ ngắn hạn	310		190.230.409.816	133.742.619.090
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	18.252.263.355	23.236.413.694
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	339.617.269
3 - Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.18	20.936.206.380	636.930.300
4 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	19.176.423.708	11.474.766.072
5 - Phải trả người lao động	315		12.876.395.879	16.348.804.186
6 - Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.20	3.768.362.607	4.918.648.093
9 - Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.22	5.985.970.968	5.172.997.493
10 - Phải trả ngắn hạn khác	320	V.21	33.245.771.016	13.815.268.853
11 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.16	61.484.154.164	42.465.357.144
13 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14.504.861.739	15.333.815.986
II - Nợ dài hạn	330		308.092.773.171	235.165.156.592
8 - Phải trả dài hạn khác	338		1.315.000.000	1.223.000.000
9 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.16	306.649.351.454	233.894.985.712
12 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.26	128.421.717	47.170.880
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		659.002.088.443	589.935.849.663
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.27	659.002.088.443	589.935.849.663
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.999.600.000	339.999.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.999.600.000	339.999.600.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		218.318.293.946	205.419.172.908
10 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		100.684.194.497	44.517.076.755
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		5.619.966.930	1.232.427.361
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		95.064.227.567	43.284.649.394
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.157.325.271.430	958.843.625.345

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương

Phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng
Bảo cáo tài chính hợp nhất
Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Mẫu số : B02a-DN

(Theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III	
			Năm 2026	Năm 2025	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
1	2	3	4	5	6	7
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	182.401.366.644	133.765.402.508	439.440.085.990	453.634.347.023
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VII.1	182.401.366.644	133.765.402.508	439.440.085.990	453.634.347.023
4 - Giá vốn hàng bán	11	VII.3	148.443.967.828	134.272.536.793	380.010.130.760	437.061.801.882
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		33.957.398.816	(507.134.285)	59.429.955.230	16.572.545.141
6 - Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-			
7 - Doanh thu hoạt động tài chính	22	VII.5	1.557.290.009	2.835.713.310	6.446.163.418	9.310.375.855
8 - Chi phí tài chính	23	VII.6	9.347.557.503	2.790.709.701	21.786.257.672	8.139.726.037
Trong đó : Chi phí đi vay	24		7.116.302.394		18.162.259.132	6.759.804.508
9 - Chi phí bán hàng	25	VII.9	3.311.584.591	1.699.904.363	7.483.778.722	6.400.607.957
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.9	10.171.949.171	6.799.497.677	24.154.930.183	19.815.424.751
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26))	30		12.683.597.560	(8.961.532.716)	12.451.152.071	(8.472.837.749)
12 - Thu nhập khác	31	VII.7	54.137.089	911	107.542.841.705	155.672.428
13 - Chi phí khác	32	VII.8	465.588.835	92.330.635	522.198.616	294.507.407
14 - Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(411.451.746)	(92.329.724)	107.020.643.089	(138.834.979)
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.272.145.814	(9.053.862.440)	119.471.795.160	(8.611.672.728)
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.11	2.921.161.793	6.142.881	24.326.316.756	195.003.163
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	-	-	81.250.837	(72.790.385)
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.350.984.021	(9.060.005.321)	95.064.227.567	(8.733.885.506)
19 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		275		2.796	
20 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		275	-	2.796	-

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT

CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Đường Ngọc Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III	
			năm 2026	năm 2025
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		119.471.795.160	(8.611.672.728)
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		50.971.222.073	33.041.678.989
- Các khoản dự phòng	03		8.600	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.269.658.014	(1.485.091.633)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(112.304.994.175)	(4.817.599.084)
- Chi phí đi vay	06		18.162.259.132	6.759.804.508
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3-Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		77.569.948.804	24.887.120.052
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.265.659.208)	(28.193.030.852)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.265.742.866	10.525.984.481
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.327.832.198	(16.178.809.445)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		8.739.884.814	5.928.539.518
- Chi phí đi vay đã trả	14		(18.054.075.213)	(6.799.825.380)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.917.922.080)	(10.207.113.529)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	40.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.236.986.888)	(4.725.124.929)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.428.765.293	(24.722.260.084)
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(225.845.366.400)	(6.181.278.656)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		134.725.583.510	153.759.259
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(106.000.000.000)	(79.500.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		83.000.000.000	170.500.000.000
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.011.376.538	5.035.752.152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(110.108.406.352)	90.008.232.755
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VIII.3	133.131.579.130	
4 - Tiền trả nợ gốc vay	34	VIII.4	(41.358.416.368)	(15.679.017.858)
5 - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.100.800)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		91.770.061.962	(15.679.017.858)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		13.090.420.903	49.606.954.813
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		177.921.020.735	138.606.671.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.670.868.007)	1.289.722.894
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		189.340.573.631	189.503.348.884

Phê duyệt, ngày 10 tháng 10 năm 2026

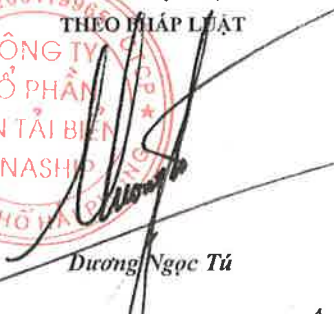
NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO CHÁP LỆT


Nguyễn Thị Bảo Ngọc


Trần Thị Thanh Hương



Dương Ngọc Tú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2026

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty hàng hải Việt Nam sở hữu 51%; Công ty CP Container Việt Nam sở hữu 39%.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

4- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp diễn ra trong vòng 12 tháng, theo năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm.

5- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý III/26 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Đội tàu hàng khô Vinaship tính đến thời điểm hiện tại gồm 04 chiếc với tổng số tấn trọng tải là 95.535 DWT, tàu nhỏ nhất có trọng tải 6.500 DWT, tàu có trọng tải lớn nhất 28.201 DWT. Độ tuổi bình quân 17 tuổi, trong đó có tàu Mỹ Hưng 22 tuổi, tàu trẻ nhất 14 tuổi là tàu Vinaship Unity mới đầu tư cuối năm 2024.

Sau những khó khăn của thị trường vận tải biển diễn ra trong quý 1/2026, kể từ tháng 4, thị trường phục hồi trở lại, giá cước được đẩy lên cao hơn và nhờ có những chuyển biến tích cực từ thị trường khu vực, Công ty đã chủ động thay đổi hình thức khai thác từ khai thác tàu chuyển sang cho thuê định hạn đồng thời quyết liệt thực hiện các phương án thanh lý tàu cũ và đầu tư tàu mới. Nhờ vậy, hiệu quả khai thác đội tàu có nhiều chuyển biến, các chỉ tiêu khai thác trong quý 3 cải thiện rõ rệt, các tàu đều vượt mức kế hoạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

Hoạt động thuê tàu ngoài vận chuyển trong quý 3 đạt doanh thu 54 tỷ đạt 39% kế hoạch năm, bằng 157% quý trước và bằng 190% quý 1.

Trong Quý III, Công ty mở rộng thêm mảng hoạt động thương mại mua bán clinker đem về doanh thu 17,2 tỷ đồng.

Tất cả các hoạt động trên góp phần đưa Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch về lợi nhuận trong quý 3 và 09 tháng.

6- Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 14 Võ Nguyên Giáp, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2026, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

7- Số lượng người lao động tại thời điểm 30/09/2026: Công ty có tổng số lao động là **469** người.

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- Kỳ kế toán quý III: bắt đầu từ ngày 01/07 và kết thúc vào ngày 30/09 của năm. Kỳ kế toán quý III năm 2026 bắt đầu từ ngày 01/07/2026 đến 30/09/2026.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất; Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 202/2014/TT-BTC.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.

- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.

- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

-Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 99/20254/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí chờ phân bổ : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí chờ phân bổ: Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí chờ phân bổ cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1- Tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng	30/09/2026	01/01/2026
- Tiền mặt	259.881.000	1.174.544.000
- Tiền gửi không kỳ hạn	179.080.692.631	166.746.476.735
+ Tiền gửi không kỳ hạn tại MSB	32.117.344.349	43.615.780.751
+ Tiền gửi không kỳ hạn tại NCB	2.171.905.670	57.563.852.970
+ Tiền gửi không kỳ hạn tại BIDV	41.961.719.106	61.460.797.823
+ Tiền gửi không kỳ hạn tại MB	97.457.797.193	-
+ Tiền gửi không kỳ hạn khác	5.371.926.313	4.106.045.191
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại MSB	-	10.000.000.000
+ Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại NCB	-	-
+ Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại VIB	-	-
+ Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại BIDV	-	-
+ Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại MB	10.000.000.000	-
Cộng	189.340.573.631	177.921.020.735

2- Các khoản đầu tư tài chính						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Chi tiêu	30/09/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
b1) Ngắn hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn	67.001.772.604	67.001.772.604	-	43.192.915.067	43.192.915.067	-
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 03 tháng tại MSB				43.192.915.067	43.192.915.067	-
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 03 tháng tại MB	101.506.850	101.506.850		44.246.575	44.246.575	
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 06 tháng tại NCB				20.122.054.794	20.122.054.794	
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 06 tháng tại VIB		-		23.026.613.698	23.026.613.698	
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 06 tháng tại BIDV						
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 06 tháng tại MB	65.874.342.465	65.874.342.465				
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 12 tháng tại MB	1.025.923.289	1.025.923.289				
b2) Dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	67.001.772.604	67.001.772.604	-	43.192.915.067	43.192.915.067	-

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Chi tiêu	30/09/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
- Đầu tư cổ phiếu						
Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/09/2026						
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam: 86 CP	1.437.338	373.800	1.119.670	1.437.338	440.400	1.111.070
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 2 CP	1.369.070	249.400	1.119.670	1.369.070	258.000	1.111.070
	68.268	124.400	-	68.268	182.400	-
Cộng	1.437.338	373.800	1.119.670	1.437.338	440.400	1.111.070

3- Phải thu của khách hàng

Chi tiêu	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Phải thu của các khách hàng ngắn hạn khác	61.448.196.250	(2.154.204.279)	35.414.495.190	(2.154.204.279)
- Công ty CP TMVT XNK Thiên Phúc	18.728.937.328		6.579.542.381	
- Cty TNHH Vận tải biển và DVHH Thiên Phúc	9.224.768.862		10.262.478.410	
- Công ty TNHH TM Nhật Minh Am	8.185.555.540		8.420.757.192	
- Công ty TNHH MTV XNK Nhật Phát	7.400.183.479			
- Công ty TNHH TMDV Vận chuyển Vạn Thịnh Phát	10.378.525.800			
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.530.225.241	(2.154.204.279)	10.151.717.207	(2.154.204.279)
b) Phải thu của khách hàng dài hạn		-	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2.439.106.270	-	4.876.108.382	-
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	173.045.442	-	308.425.130	-
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	826.011.216	-	1.009.337.004	-
Công ty CP Cảng Xanh VIP	756.694.440	-	2.760.379.214	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	413.474.112	-	481.717.368	-
Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	269.881.060	-	316.249.666	-
Cộng	63.887.302.520	(2.154.204.279)	40.290.603.572	(2.154.204.279)

4- Phải thu khác

Chi tiêu	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	20.396.895.884	(7.342.487.574)	14.404.276.100	(7.342.487.574)
- Tạm ứng	3.581.906.731		3.320.204.077	
- Ký cược, ký quỹ	4.733.309.739		17.040.400	
- Bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	3.354.344.589		3.274.932.218	
- Tiền sửa chữa tàu - Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương Vinashin	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
- Bảo hiểm xã hội	343.294.530		342.525.738	
- Bảo hiểm y tế	35.398.189		21.541.998	
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.553.340		13.590.026	
- Thuế thu nhập cá nhân	-		29.581.317	
- Phải thu khác	993.601.192		42.372.752	
b) Dài hạn	424.472.940	-	158.098.960	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	424.472.940	-	158.098.960	-
Cộng	20.821.368.824	(7.342.487.574)	14.562.375.060	(7.342.487.574)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng
 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

6- Nợ xấu

Chi tiêu	30/09/2026			01/01/2026		
	Giá trị	Giá trị	Đối tượng nợ	Giá trị	Giá trị	Đối tượng nợ
	gốc nợ	có thể		gốc nợ	có thể	
		thu hồi			thu hồi	
Khoản nợ phát sinh từ 31/05/2011, Vinashinlines đang làm thủ tục phá sản	7.342.487.574	-	- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	-	- Công ty Vinashinlines
khoản nợ phải thu của Vinaship đang chờ phán quyết của Toà Án						
Khoản nợ phát sinh từ 31/08/2017 và không có khả năng thu hồi	1.104.934.000	-	- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát
Các khoản nợ khó đòi khác phát sinh từ năm 2013-2019	1.049.270.279	-	- Các khoản nợ khó đòi khác phát sinh từ năm 2013-2019	1.049.270.279	-	- Các khoản nợ khó đòi khác phát sinh từ năm 2013-2019
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn: công ty đánh giá khả năng thu hồi nợ						
của tất cả khách hàng trên là rất thấp và đã trích lập dự phòng 100%						
Cộng	9.496.691.853	-		9.496.737.876	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

7- Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	31.571.687.587	-	36.033.338.515	
- Công cụ, dụng cụ	88.533.500		42.380.000	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-		2.850.245.438	
Cộng	31.660.221.087	-	38.925.963.953	-

Vật liệu được xuất kho theo phương pháp giá đích danh
Nhiên liệu được xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền

8- Tài sản dở dang dài hạn

Chỉ tiêu	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	399.784.500	399.784.500
- TSCĐ đang mua sắm	-	-	399.784.500	399.784.500
'+ Tàu mới đang mua				
'+ TSCĐ khác đang mua	-	-	399.784.500	399.784.500
- Xây dựng cơ bản	-	-		
- Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ	-	-		
- Nâng cấp, cải tạo TSCĐ	-	-		
+ Chi phí khác	-			
Cộng	-	-	399.784.500	399.784.500

9 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC THIẾT BỊ	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ						
1. Số dư đầu kỳ		83.792.201.029	1.088.504.172.827	5.102.897.024	6.349.002.098	1.183.748.272.978
Toà nhà Vinaship số 14 Võ Nguyên Giáp		76.219.834.260				76.219.834.260
04 bộ thang máy toà nhà Vinaship				4.108.965.194		4.108.965.194
Hệ thống điều hoà toà nhà Vinaship					5.850.000.001	5.850.000.001
Phương tiện vận tải - tàu Mỹ Hưng			94.684.968.744			94.684.968.744
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Gold			193.945.837.071			193.945.837.071
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Unity			293.236.531.709			293.236.531.709
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Harmony			253.467.586.208			253.467.586.208
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Pearl			235.026.259.360			235.026.259.360
Tài sản cố định hữu hình khác		7.572.366.769	18.142.989.735	993.931.830	499.002.097	27.208.290.431
2. Số tăng trong kỳ		93.500.000	226.310.558.688	-	-	226.404.058.688
- Do mua sắm			226.310.558.688			226.404.058.688
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Amity			225.771.999.948			225.771.999.948
Các thiết bị khác		93.500.000	538.558.740			632.058.740
3. Số giảm trong kỳ		2.603.476.827	438.478.159.763	-	-	441.081.636.590
- Giảm nguyên giá tàu Vinaship Harmony			158.907.788			158.907.788
- Thanh lý, nhượng bán	-		438.319.251.975			438.319.251.975
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Pearl			235.026.259.360			235.026.259.360
Hệ thống quản lý nước dẫn tàu Vinaship Pearl			3.212.796.800			3.212.796.800
Rada của tàu Vinaship Pearl			1.329.334.380			1.329.334.380
Các thiết bị khác tàu Vinaship Pearl			950.441.136			950.441.136
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Gold			193.945.837.071			193.945.837.071
Hệ thống quản lý nước dẫn tàu Vinaship Gold			2.255.265.940			2.255.265.940
Các thiết bị khác tàu Vinaship Gold			780.160.887			780.160.887
Xe ô tô Camry 2.G			819.156.401			819.156.401
Chuyển sang BĐSĐT: Nhà làm việc Q7-HCM		2.603.476.827				2.603.476.827
4. Số cuối kỳ		81.282.224.202	876.336.571.752	5.102.897.024	6.349.002.098	969.070.695.076
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.489.596.756	99.703.254.639	60.431.830	216.281.662	103.469.564.887
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
1. Đầu kỳ		10.927.583.192	545.314.263.399	1.289.981.573	2.523.679.174	560.055.507.338
2. Tăng trong kỳ		2.475.017.079	46.449.749.303	613.638.504	1.145.913.498	50.684.318.384
Khấu hao		2.475.017.079	46.449.749.303	613.638.504	1.145.913.498	50.684.318.384
Toà nhà Vinaship số 14 Võ Nguyên Giáp		2.287.178.982				2.287.178.982
04 bộ thang máy toà nhà Vinaship				513.620.649		513.620.649
Hệ thống điều hoà toà nhà Vinaship					1.096.875.000	1.096.875.000
Phương tiện vận tải - tàu Mỹ Hưng						-
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Gold			3.161.528.469			3.161.528.469
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Unity			18.327.283.236			18.327.283.236
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Harmony			15.829.732.489			15.829.732.489
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Amity			8.152.877.777			8.152.877.777
Tài sản cố định hữu hình khác		187.838.097	978.327.332	100.017.855	49.038.498	1.315.221.782
3. Giảm trong kỳ		2.022.033.648	417.402.975.312	-	-	419.425.008.960
- Thanh lý, nhượng bán	-		417.402.975.312	-	-	417.402.975.312
- Thanh lý, nhượng bán tàu Vinaship Pearl			235.026.259.360			235.026.259.360
Hệ thống quản lý nước dẫn tàu Vinaship Pearl			3.212.796.800			3.212.796.800
Rada của tàu Vinaship Pearl			1.329.334.380			1.329.334.380
Các thiết bị khác tàu Vinaship Pearl			871.788.309			871.788.309
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Gold			173.978.288.849			173.978.288.849
Hệ thống quản lý nước dẫn tàu Vinaship Gold			1.647.192.890			1.647.192.890
Các thiết bị khác tàu Vinaship Gold			518.158.323			518.158.323
Xe ô tô Camry 2.G			819.156.401			819.156.401
Chuyển sang bất động sản đầu tư: Nhà làm việc Q7-HCM		2.022.033.648				2.022.033.648
4. Số cuối kỳ		11.380.566.623	174.361.037.390	1.903.620.077	3.669.592.672	191.314.816.762
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		72.864.617.837	543.189.909.428	3.812.915.451	3.825.322.924	623.692.765.640
2. Cuối kỳ		69.901.657.579	701.975.534.362	3.199.276.947	2.679.409.426	777.755.878.314
Toà nhà Vinaship số 14 Võ Nguyên Giáp		69.369.222.804				69.369.222.804
04 bộ thang máy toà nhà Vinaship				2.566.200.948		2.566.200.948
Hệ thống điều hoà toà nhà Vinaship					2.555.312.501	2.555.312.501
Phương tiện vận tải - tàu Mỹ Hưng			-			-
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Unity			248.502.195.208			248.502.195.208
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Harmony			234.193.254.998			234.193.254.998
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Amity			217.619.122.171			217.619.122.171
Tài sản cố định hữu hình khác		532.434.775	1.660.961.985	633.075.999	124.096.925	2.950.569.684
Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm			700.314.572.377			700.314.572.377

- Ngày 14/01/2026, bán thanh lý thành công tàu Vinaship Pearl và hoàn tất bàn giao cho người mua.
- Ngày 25/04/2026, bán thanh lý thành công tàu Vinaship Gold và hoàn tất bàn giao cho người mua.
- Ngày 25/04/2026, mua 01 tàu mới Vinaship Amity và đưa vào khai thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ				
1. Số dư đầu kỳ		-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ		-	-	-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
4. Số cuối kỳ		-	664.654.500	664.654.500
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
1. Đầu kỳ		-	664.654.500	664.654.500
2. Tăng trong kỳ		-	-	-
- Khấu hao		-	-	-
3. Giảm trong kỳ		-	-	-
4. Số cuối kỳ		-	664.654.500	664.654.500
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
1. Đầu kỳ		-	-	-
2. Cuối kỳ		-	-	-

11 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính: Không có

12 - Tài sản sinh học: Không có

13 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ	CƠ SỞ HẠ TẦNG	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ				
1. Số dư đầu kỳ		2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
Bãi container Hậu Phương Đình Vũ			17.153.984.650	17.153.984.650
Bãi container Transvina			2.304.261.818	2.304.261.818
BĐS đầu tư khác			1.614.253.164	1.614.253.164
2. Số tăng trong kỳ		2.603.476.827	-	2.603.476.827
- Tăng do chuyển từ TSCĐ sang: Nhà làm việc Q7-HCM		2.603.476.827		2.603.476.827
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
4. Số cuối kỳ		5.230.981.846	21.072.499.632	26.303.481.478
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
1. Số dư đầu kỳ		2.627.505.019	19.224.207.467	21.851.712.486
2. Số tăng trong kỳ		2.039.390.160	594.093.924	2.633.484.084
- Tăng do chuyển từ TSCĐ sang: Nhà làm việc Q7-HCM		2.022.033.648		2.022.033.648
- Do trích khấu hao		17.356.512	594.093.924	611.450.436
Bãi container Hậu Phương Đình Vũ			594.093.924	594.093.924
Nhà làm việc Q7-HCM		17.356.512	-	17.356.512
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-
4. Số dư cuối kỳ		4.666.895.179	19.818.301.391	24.485.196.570
III - Giá trị còn lại				
1. Số dư đầu kỳ		-	1.848.292.165	1.848.292.165
4. Số dư cuối kỳ		564.086.667	1.254.198.241	1.818.284.908
Bãi container Hậu Phương Đình Vũ			1.254.198.241	1.254.198.241
Nhà làm việc Q7-HCM		564.086.667	-	564.086.667

14- Chi phí chờ phân bổ

Khoản mục	30/09/2026	Trong năm		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
a) Ngắn hạn				
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	1.630.944.041	10.702.716.830	11.237.388.635	2.165.615.846
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	875.794.941	6.484.266.953	5.916.564.272	308.092.260
Cộng	2.506.738.982	17.186.983.783	17.153.952.907	2.473.708.106
b) Dài hạn				
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	6.368.042.580		8.000.443.393	14.368.485.973
- Chi phí trả trước trang thiết bị đồ dùng tòa nhà	548.754.235		548.754.219	1.097.508.454
- Chi phí trả trước dài hạn khác	203.783.091		223.718.078	427.501.169
Cộng	7.120.579.906	-	8.772.915.690	15.893.495.596

15- Tài sản khác

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
a) Ngắn hạn		
b) Dài hạn		

16- Vay và nợ thuê tài chính

Khoản mục	30/09/2026	Trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn	-			-
b) Vay dài hạn	368.133.505.618	193.508.792.518	101.735.629.756	276.360.342.856
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống, trong đó:	61.484.154.164	60.377.213.388	41.358.416.368	42.465.357.144
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải	20.905.357.144	15.679.017.858	15.679.017.858	20.905.357.144
+ Vay Ngân hàng TMCP BIDV	21.560.000.000	16.170.000.000	16.170.000.000	21.560.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP MB	19.018.797.020	28.528.195.530	9.509.398.510	-
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	306.649.351.454	133.131.579.130	60.377.213.388	233.894.985.712
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải	88.847.767.854	-	15.679.017.858	104.526.785.712
+ Vay Ngân hàng TMCP BIDV	113.198.200.000	-	16.170.000.000	129.368.200.000
+ Vay Ngân hàng TMCP MB	104.603.383.600	133.131.579.130	28.528.195.530	
Cộng	368.133.505.618	193.508.792.518	101.735.629.756	276.360.342.856

17- Phải trả người bán

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
a) Phải trả người bán ngắn hạn khác	17.616.923.479	22.295.405.592
PT Indofuels Limited		10.910.343.393
Kinetik Petroeum Sdn Bhd	3.833.550.017	-
MSS Marine & Offshore Pte, Ltd	1.201.852.490	356.153.202
Công ty TNHH Mateshi Việt Nam	2.030.919.960	181.036.080
Công ty TNHH MTV XNK Nhật Phát	6.492.263.634	
Phải trả các đối tượng khác	4.058.337.378	10.847.872.917
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	635.339.876	941.008.102
Công ty mẹ - Tổng công ty hàng hải VN	-	200.000.000
Cty VTB VIMC - Chi nhánh Tty Hàng hải Việt Nam	429.490.374	
Công ty CP thương mại và dịch vụ Vosco	-	632.658.600
Chi nhánh Cty CP VTB VN - trung tâm huấn luyện thuyền viên	97.500.000	-
Công ty CP Cảng Xanh VIP	85.545.035	85.545.035
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao tại HP	22.804.467	22.804.467
Cộng	18.252.263.355	23.236.413.694

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

18- Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	20.936.206.380	636.930.300
<i>Trong đó phải trả cổ tức các bên liên quan</i>	<i>18.402.024.000</i>	
Công ty mẹ - Tổng công ty hàng hải VN	10.404.000.000	
Công ty CP Container Việt Nam	7.955.904.000	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	6.300.000	
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	35.820.000	

19- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2026	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/09/2026
		trong kỳ	trong kỳ	
a) Phải nộp				
Ngắn hạn	11.474.766.072	32.235.492.810	24.533.835.174	19.176.423.708
- Thuế GTGT đầu ra	379.135.708	7.233.859.324	7.254.891.229	358.103.803
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		19.092.501	19.092.501	-
- Thuế nhập khẩu		9.890.219	9.890.219	-
- Thuế TNDN	11.035.337.362	24.613.896.022	16.917.922.080	18.731.311.304
- Thuế môn bài				-
- Thuế thu nhập cá nhân	60.293.002	312.379.388	285.663.789	87.008.601
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		46.375.356	46.375.356	-
Cộng	11.474.766.072	32.235.492.810	24.533.835.174	19.176.423.708
b) Phải thu				
Ngắn hạn	1.162.279.944	264.065.172	(400.912.691)	497.302.081
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa				-
- Tiền thuế đất do được bù trừ	1.162.279.944	264.065.172	(400.912.691)	497.302.081
- Các khoản khác phải thu của Nhà nước				-
Dài hạn				
Cộng	1.162.279.944	264.065.172	(400.912.691)	497.302.081

20- Chi phí phải trả

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
a) Ngắn hạn	3.768.362.607	4.918.648.093
- Trích trước chi phí lãi vay	430.350.677	322.166.758
- Trích trước chi phí XDDB lô đất TM8		-
- Chi phí phải trả khác	3.338.011.930	4.596.481.335
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.768.362.607	4.918.648.093

21- Phải trả khác

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	29.412.269	-
- Bảo hiểm y tế		-
- Bảo hiểm thất nghiệp	161.692.004	165.507.281
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.843.034.542	12.466.117.600
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	575.524.628	548.505.306
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	636.107.573	635.138.666
Cộng	33.245.771.016	13.815.268.853
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.315.000.000	1.223.000.000
Cộng	1.315.000.000	1.223.000.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

22- Doanh thu chờ phân bổ

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	5.075.073.050	4.092.036.000
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	910.897.918	1.080.961.493
b) Dài hạn		
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng		
Cộng	5.985.970.968	5.172.997.493

23- Trái phiếu phát hành
24- Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả
25- Dự phòng phải trả

Khoản mục	01/01/2026	Số dự phòng	Số dự phòng	30/09/2026
		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	
a) Ngắn hạn				
b) Dài hạn				

26- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả
a) Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	128.421.717	47.170.880
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	128.421.717	47.170.880

27- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
A	1	7	8	
Số dư đầu năm trước	339.999.600.000	66.751.430.662	170.411.314.026	577.162.344.688
Tăng vốn trong năm trước				-
Lãi trong năm trước		43.284.649.394		43.284.649.394
Phân phối lợi nhuận năm 2024		(65.519.003.301)	35.007.858.882	(30.511.144.419)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển		(35.007.858.882)	35.007.858.882	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(10.111.168.419)		(10.111.168.419)
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt		(20.399.976.000)		(20.399.976.000)
Số dư đầu năm nay	339.999.600.000	44.517.076.755	205.419.172.908	589.935.849.663
Công ty con Vimaser phân phối lợi nhuận năm 2025		(190.251.766)	129.717.114	(60.534.652)
+ Quỹ đầu tư phát triển		(129.717.114)	129.717.114	-
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(60.534.652)		(60.534.652)
Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do nộp thuế TNDN sau kiểm tra		(287.579.266)		(287.579.266)
Công ty mẹ Vinaship phân phối lợi nhuận năm 2025		(38.419.278.793)	12.769.403.924	(25.649.874.869)
+ Quỹ đầu tư phát triển		(12.769.403.924)	12.769.403.924	-
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(5.347.497.989)		(5.347.497.989)
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt		(20.302.376.880)		(20.302.376.880)
Lãi trong 09 tháng		95.064.227.567		95.064.227.567
Số dư cuối kỳ	339.999.600.000	100.684.194.497	218.318.293.946	659.002.088.443

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
- Vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam 51% VDL	173.400.000.000	173.400.000.000
- Vốn góp của Công ty CP Container Việt Nam Viconship 39% VDL	132.598.400.000	132.598.400.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 10% VDL	34.001.200.000	34.001.200.000
Cộng	339.999.600.000	339.999.600.000

c) - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Vốn góp đầu năm	339.999.600.000	339.999.600.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	339.999.600.000	339.999.600.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

đ) Cổ phiếu

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.999.960	33.999.960
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.999.960	33.999.960
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	33.999.960
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.999.960	33.999.960
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	33.999.960

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/Cổ phiếu

10.000

10.000

30. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

đ) Tài sản của doanh nghiệp sử dụng để cầm cố, thế chấp

	30/09/2026	01/01/2026
Thế chấp Tài sản cố định tại các tổ chức tín dụng tài trợ vốn vay	700.314.572.377	517.011.373.719
- Phương tiện tàu Vinaship Unity thế chấp tại ngân hàng MSB để vay vốn mua tàu - giá trị còn lại	248.502.195.208	266.829.478.444
- Phương tiện tàu Vinaship Harmony thế chấp tại ngân hàng BIDV để vay vốn mua tàu - giá trị còn lại	234.193.254.998	250.181.895.275
- Phương tiện tàu Vinaship Amity thế chấp tại ngân hàng MB để vay vốn mua tàu - giá trị còn lại	217.619.122.171	-

đ) Ngoại tệ các loại

	30/09/2026	01/01/2026
- Đồng dollar Mỹ (USD)	6,594,938.58	5,482,438.96

e) Nợ khó đòi đã xử lý

	1.180.624.375	1.180.624.375
- Khách hàng Liana	59.231.742	59.231.742
- Khách hàng Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- Công ty TNHH TMDV Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
a) Doanh thu		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	232.248.252.538	283.134.614.452
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	117.979.482.366	106.765.003.833
+ Doanh thu cho thuê văn phòng và bất động sản đầu tư	7.717.436.051	6.316.846.806
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng hoá	50.881.214.446	48.015.084.594
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	1.288.359.341	608.476.592
+ Doanh thu bán hàng	29.325.341.248	8.794.320.746
Cộng	439.440.085.990	453.634.347.023
b) Doanh thu từ các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)		
+ Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	756.998.772	777.423.780
+ Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	6.843.592.800	4.455.557.750
+ Công ty CP Cảng Xanh VIP	6.966.911.500	8.007.875.480
+ Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	3.229.683.600	3.131.520.000
+ Công ty CP VSC Green Logistics	36.000.000	70.400.000
+ Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	2.413.409.468	2.999.527.687
Cộng	20.246.596.140	19.442.304.697

3- Giá vốn hàng bán

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
a) Giá vốn		
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	185.403.504.949	276.992.207.945
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	115.475.416.936	103.906.674.182
- Giá vốn cung cấp cho thuê bất động sản	2.983.652.680	1.912.698.715
- Giá vốn cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng hoá	47.424.452.400	45.022.718.110
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	1.211.753.618	438.439.163
- Giá vốn hàng bán	27.511.350.177	8.789.063.767
Cộng	380.010.130.760	437.061.801.882
b) Giá vốn từ các bên liên quan		
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	36.396.144	-
- Công ty CP thương mại và dịch vụ Vosco	267.077.500	1.610.740.000
- Công ty CP Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	397.230.299	-
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	47.757.470	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng xanh	-	1.562.950
- Cty VTB VIMC - chi nhánh Tổng công ty Hàng hải VN	890.518.299	-
- Chi nhánh Cty CP VTB VN - trung tâm huấn luyện thuyền viên	97.500.000	-
- Cty CP Hàng hải Đông Đô	27.062.653.920	-
Cộng	28.799.133.632	1.612.302.950

5- Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.842.629.285	4.663.839.825
- Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ	900	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.603.533.233	3.161.444.397
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ		1.485.091.633
Cộng	6.446.163.418	9.310.375.855

6- Chi phí tài chính

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Chi phí lãi vay	18.162.259.132	6.759.804.508
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.177.959.565	1.379.921.309
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.269.658.014	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	8.600	-
- Chi phí tài chính khác	176.372.361	220
Cộng	21.786.257.672	8.139.726.037

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

7- Thu nhập khác

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	131.546.272.727	160.000.000
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(24.061.512.627)	(6.240.741)
- Các khoản khác	58.081.605	1.913.169
Cộng	107.542.841.705	155.672.428

8- Chi phí khác

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Các khoản bị phạt	46.379.654	159.772
- Các khoản chi phí khác	475.818.962	294.347.635
Cộng	522.198.616	294.507.407

9- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	24.154.930.183	19.815.424.751
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.075.411.947	1.142.415.139
Chi phí nhân công	16.060.350.432	10.871.047.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.051.083.008	3.688.749.494
Thuế, phí, lệ phí	360.779.657	430.426.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.805.985.852	1.751.273.407
Chi phí khác bằng tiền	1.801.319.287	1.931.512.472
b) Các khoản chi phí bán hàng khác	7.483.778.722	6.400.607.957
Hoa hồng phí	7.483.778.722	6.400.607.957

10- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.125.814.037	126.686.415.224
- Chi phí nhân công	84.274.999.563	72.169.335.307
+ Tiền lương	70.494.002.725	59.512.875.000
+ BHXH	5.810.649.007	5.273.325.284
+ Bảo hiểm y tế	832.340.348	698.161.789
+ Bảo hiểm thất nghiệp	332.037.259	301.323.876
+ Kinh phí công đoàn	664.074.165	603.096.137
+ Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	6.141.896.059	5.780.553.221
- Thuế, phí và lệ phí	1.334.714.285	894.523.973
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.971.222.073	33.041.678.989
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.820.117.333	214.688.530.541
- Chi phí khác bằng tiền	5.760.376.759	5.270.038.086
Cộng	381.287.244.050	452.750.522.120

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

11. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	119.471.795.160	(8.611.672.728)
- Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Các khoản điều chỉnh tăng	2.159.789.520	1.524.906.008
- Chi phí không được khấu trừ	279.000.000	
- Khoản nộp phạt	46.379.654	
- Lãi đánh giá ngoại tệ cuối năm trước	235.854.400	1.524.906.008
- Lỗ đánh giá ngoại tệ cuối quý này	1.598.555.466	
Các khoản điều chỉnh giảm	900	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	900	-
Chi phí thuế TNDN	121.631.583.780	(7.086.766.720)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.326.316.756	195.003.163
Chi phí thuế TNDN hoãn lại (**)	81.250.837	(72.790.385)
Chi phí thuế TNDN (*)	24.407.567.593	122.212.778

(**) Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thời	128.421.717	232.190.817
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(47.170.880)	(304.981.202)
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	81.250.837	(72.790.385)

VIII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	133.131.579.130	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	-
- Tiền thu từ đi vay	-	-
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	41.358.416.368	15.679.017.858
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	41.358.416.368	15.679.017.858

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

IX. Những thông tin khác

3- GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
<u>Thu nhập của các thành viên trong Ban giám đốc, HĐQT và người quản lý</u>	2.649.536.285	2.625.618.518
Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Chủ tịch HĐQT	120.000.000	88.000.000
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó chủ tịch HĐQT	-	39.000.000
Ông Dương Ngọc Tú - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	699.515.066	718.669.399
Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thành viên HĐQT	76.000.000	72.000.000
Ông Phạm Bá Chính - Thành viên HĐQT	-	39.000.000
Ông Vũ Ngọc Lâm - Thành viên HĐQT	76.000.000	33.000.000
Ông Lê Quang Huy - Thành viên HĐQT	76.000.000	33.000.000
Ông Nguyễn Quang Duy - Phó Tổng giám đốc	-	5.000.000
Ông Lê Văn Thái - Phó Tổng giám đốc	499.431.394	509.045.180
Ông Đoàn Minh Thân - Phó Tổng giám đốc	483.202.177	463.146.282
Bà Trần Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng	447.837.648	461.757.657
Bà Lã Thị Liên Hương - Trưởng ban kiểm soát	76.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	-	24.000.000
Ông Phan Văn Hưng - Thành viên ban kiểm soát	-	24.000.000
Bà Đặng Thanh Tâm - Thành viên ban kiểm soát	35.550.000	27.000.000
Ông Chu Thế Nga - Thành viên ban kiểm soát	-	17.000.000
Bà Tạ Thị Huệ - Thành viên ban kiểm soát	30.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thành viên ban kiểm soát	30.000.000	-

5- Thông tin so sánh

Các chỉ tiêu đầu kỳ và cùng kỳ năm trước đã được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025

để đảm bảo tính so sánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động:

Các hoạt động	Quý III năm 2026	09 tháng năm 2026	Quý III năm 2025	09 tháng năm 2025
Vận tải biển				
- Doanh thu	90.627.755.006	232.248.252.538	83.983.272.063	283.134.614.452
- Chi phí	73.010.360.610	213.269.580.649	95.019.301.870	299.489.354.383
- Lợi nhuận	17.617.394.396	18.978.671.889	(11.036.029.807)	(16.354.739.931)
Vận tải biển thuê tàu ngoài				
- Doanh thu	54.059.636.449	117.979.482.366	29.117.693.403	106.765.003.833
- Chi phí	53.279.742.916	116.510.541.341	28.762.078.922	104.850.402.424
- Lợi nhuận	779.893.533	1.468.941.025	355.614.481	1.914.601.409
Hoạt động cho thuê văn phòng, bất động sản				
- Doanh thu	2.572.222.445	7.717.436.051	2.255.834.551	6.316.846.806
- Chi phí	972.895.136	3.022.652.680	601.948.515	1.952.698.715
- Lợi nhuận	1.599.327.309	4.694.783.371	1.653.886.036	4.364.148.091
Hoạt động dịch vụ bốc xếp hàng hoá				
- Doanh thu	17.508.280.966	50.881.214.446	17.403.887.217	48.015.084.594
- Chi phí	17.250.291.789	50.122.961.200	17.380.160.406	47.757.876.138
- Lợi nhuận	257.989.177	758.253.246	23.726.811	257.208.456
Hoạt động dịch vụ khác				
- Doanh thu	444.507.575	1.288.359.341	226.244.892	608.476.592
- Chi phí	393.968.870	1.211.753.618	166.732.556	438.439.163
- Lợi nhuận	50.538.705	76.605.723	59.512.336	170.037.429
Hoạt động bán hàng				
- Doanh thu	17.188.964.203	29.325.341.248	778.470.382	8.794.320.746
- Chi phí	17.020.242.269	27.511.350.177	841.716.564	8.789.063.767
- Lợi nhuận	168.721.934	1.813.991.071	(63.246.182)	5.256.979
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	1.557.290.009	6.446.163.418	2.835.713.310	9.310.375.855
- Chi phí tài chính	9.347.557.503	21.786.257.672	2.790.709.701	8.139.726.037
- Lợi nhuận	(7.790.267.494)	(15.340.094.254)	45.003.609	1.170.649.818
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	54.137.089	107.542.841.705	911	155.672.428
- Chi phí hoạt động khác	465.588.835	522.198.616	92.330.635	294.507.407
- Lợi nhuận hoạt động khác	(411.451.746)	107.020.643.089	(92.329.724)	(138.834.979)

Phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT




Dương Ngọc Tú